

Số: 878 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 30 tháng 08 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường  
của Dự án “Xây dựng khu dân cư Mải Hạ, xã Tân Thanh,  
huyện Lạng Giang (giai đoạn 5)”**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 526/TTr-TNMT ngày 23/8/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng khu dân cư Mải Hạ, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang (giai đoạn 5)” (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND huyện Lạng Giang, UBND xã Tân Thanh; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP, TH, KTN;
  - + Công thông tin điện tử tỉnh;
  - + Lưu: VT, KTN.Bình.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ô Pích**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA  
DỰ ÁN XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ MÃI HẠ, XÃ TÂN THANH,  
HUYỆN LẠNG GIANG (GIAI ĐOẠN 5)**

*(Kèm theo Quyết định số \_\_\_\_\_ /QĐ-UBND ngày \_\_\_\_ / \_\_\_\_ /2022 của UBND tỉnh)*

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: Xây dựng khu dân cư Mã Lại, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang (giai đoạn 5).

- Địa điểm thực hiện: Xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

- Phạm vi: Dự án thuộc địa phận thôn Đông, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Quy mô của dự án: Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu dân cư trên khu đất có diện tích khoảng 4,0ha với quy mô dân số khoảng 672 người.

**1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: San nền, đường giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc.

- Hoạt động của dự án đầu tư:

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

**1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh thông qua danh mục các dự án cần thu hồi i đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022 thì Dự án có tổng diện tích đất thu hồi là 5,6 ha, trong đó diện tích đất lúa là 5,5 ha. Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thì tổng diện tích đất thực hiện dự án là 04ha, trong đó có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa khoảng 2,95ha.

**2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

**2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Việc chiếm dụng đất, di dân và tái định cư: Dự án chiếm dụng khoảng 40.526m<sup>2</sup> đất, trong đó đất trồng lúa: 29.528,2m<sup>2</sup>; đất ở nông thôn: 2.009m<sup>2</sup>; đất trồng cây hàng năm khác: 324,8m<sup>2</sup>; đất mặt nước nuôi trồng thủy sản: 1.489,3m<sup>2</sup>; đất giao thông hiện trạng: 4.331,6m<sup>2</sup>; đất kênh mương thủy lợi: 2.492,8m<sup>2</sup>; đất nghĩa trang: 296,6m<sup>2</sup>; đất khác: 53,70 m<sup>2</sup>.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng:

+ Tác động do bom mìn tồn lưu trong đất;

+ Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: Phát quang thực vật; di dời mồ mả; tháo dỡ, dịch chuyển đường điện hiện trạng,...

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thi công:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Từ hoạt động san nền và đào đắp móng;

++ Từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và đất đắp nền;

++ Từ quá trình bốc xúc vật liệu xây dựng;

++ Từ quá trình lưu trữ nguyên vật liệu;

++ Từ quá trình đốt cháy nhiên liệu của máy móc, thiết bị thi công trên công trường;

++ Từ quá trình hàn;

++ Từ quá trình trải bê tông nhựa nóng.

++ Từ quá trình vệ sinh công trình sau khi thi công hoàn chỉnh

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công, rửa máy móc thiết bị, rửa xe và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền; từ quá trình phá dỡ các công trình hiện trạng (tháo dỡ, dịch chuyển đường điện hiện trạng; di dời mồ mả); từ hoạt động phát quang thực vật và chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng dự án; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.

## **2.2. Giai đoạn vận hành**

- Hoạt động của các hộ dân, khu công cộng.

+ Phát sinh nước thải, rác thải, bụi, khí thải nhà bếp từ các hoạt động sống sinh hoạt hàng ngày;

+ Phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động giao thông trên các tuyến đường nội bộ dự án.

+ Chất thải nguy hại gồm dầu thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin thải,...

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Phát sinh chất thải nguy hại từ quá trình bảo dưỡng trạm biến áp,....;

+ Nguy cơ chập cháy hệ thống điện; nguy cơ tai nạn giao thông,...

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án: Phát sinh vào những ngày mưa to, chảy tràn cuốn theo các chất bẩn vào nguồn tiếp nhận.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

### **3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

#### **3.1.1. Nước thải, khí thải**

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 2,6 m<sup>3</sup>/ngày, thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms,...

+ Nước thải thi công, xây dựng bao gồm từ quá trình rửa nguyên vật liệu, vệ sinh máy móc thiết bị, nước rửa xe phát sinh khoảng 4,1 m<sup>3</sup>/ngày; thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD<sub>5</sub>, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh, gây bồi lắng hệ thống thoát nước trong khu vực. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, TSS...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi phát sinh từ hoạt động san nền, đào đắp móng công trình; từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, đất đắp san nền; từ quá trình bốc xúc vật liệu xây dựng; từ quá trình lưu trữ nguyên vật liệu xây dựng; từ quá trình vệ sinh công trình sau khi thi công hoàn chỉnh. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi lơ lửng.

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu; từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công xây dựng. Thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, bụi,...

+ Khí thải từ công đoạn hàn có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO<sub>x</sub>, khói hàn.

+ Bụi, khí thải từ quá trình trải bê tông nhựa nóng có thông số ô nhiễm đặc trưng là Bụi, hơi hữu cơ VOC...

### 3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu vực ăn uống của công nhân thi công xây dựng khoảng 13 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình phát quang thực vật; từ phá dỡ công trình hiện trạng (tháo dỡ, dịch chuyển đường điện hiện trạng, di dời mồ mả) phát sinh khoảng 130,26 tấn thành phần chủ yếu là cây cối, hoa màu, bê tông, gạch vỡ,...

- Đất đào, bóc hữu cơ phát sinh khoảng 13.450 m<sup>3</sup> được tận dụng bổ sung cho khu vực trồng cây xanh và san nền phân lô.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng phát sinh khoảng 134 kg/ngày bao gồm cát, đá, gạch, cặn vữa, đầu mẫu cáp, đầu mẫu ống HDPE, đầu mẫu sắt thép, bao bì carton,...

- Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công, máy móc thi công xây dựng như giẻ lau dính dầu mỡ, dầu tổng hợp thải, que hàn thải, ... phát sinh khoảng 135,5 kg/tháng.

### 3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị xây dựng, thi công các hạng mục công trình dự án; từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu. Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn phát sinh từ dự án, QCVN 27:2010/BTNMT áp dụng đối với độ rung phát sinh từ dự án.

### 3.1.4. Các tác động khác

- Tác động lên kinh tế xã hội khu vực; tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động đến các hộ dân sống dọc tuyến đường vận chuyển và các khu dân cư hiện trạng, tổ chức xung quanh dự án; tác động đến vùng sản xuất nông nghiệp lân cận dự án; tác động đến khu dân cư hiện trạng và các tổ chức liên kê, ...

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố ngập úng...

### **3.2. Giai đoạn vận hành**

#### **3.2.1. Nước thải, khí thải**

- Nước thải:

+ Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tối đa từ các hộ dân, từ công trình công cộng dịch vụ trong khu vực dự án khoảng 96,77 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, Amoni, tổng Coliforms...

+ Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án cuốn theo các chất bẩn vào nguồn tiếp nhận.

- Bụi, khí thải:

+ Khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>...;

+ Khí thải từ hoạt động đun nấu trong khu dân cư có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, THC...

+ Mùi hôi từ hệ thống thu gom nước thải, khu tập kết rác thải với thông số ô nhiễm đặc trưng là NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S,...

+ Khí thải từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ.

#### **3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại**

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ khu đất ở, khu công cộng, từ công viên cây xanh, trên tuyến đường giao thông phát sinh khoảng 810 kg/ngày. Bùn thải phát sinh từ các bể tự hoại của các công trình khoảng 26,8 m<sup>3</sup>/năm.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của khu dân cư như dầu thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin thải,...phát sinh tối đa khoảng 2.824 kg/năm.

#### **3.2.3. Tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn phát sinh không đáng kể từ hoạt động của phương tiện giao thông; từ hoạt động kinh doanh của một số hộ gia đình, ...

#### **3.2.4. Các tác động khác**

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực; đến an ninh trật tự,...

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố bão lụt, ngập úng; sự cố hệ thống thu gom nước thải,...

## **4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư**

### **4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

#### **4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải**

#### 4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Trang bị 01 nhà vệ sinh di động với bể chứa chất thải dung tích từ  $7\text{m}^3$  đến  $10\text{m}^3$  đặt tại lán trại của công nhân xây dựng. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa mang đi xử lý theo quy định (tần suất 03 ngày/lần hoặc khi bể chứa đầy)

- Nước thải thi công

+ Đối với nước thải phát sinh từ khu vực rửa xe: Bố trí 01 hệ thống tách dầu 2 bậc để xử lý nước thải nhiễm dầu mỡ khu vực rửa xe, nước thải sau xử lý được tái sử dụng cho việc rửa xe hoặc tưới nước dập bụi, không thải ra ngoài môi trường. Hệ thống tách dầu mỡ tổng thể tích  $06\text{m}^3$  gồm 02 bể phân ly mỗi bể phân ly thể tích  $3\text{m}^3$ , mỗi bể phân ly được chia tiếp thành 02 ngăn mỗi ngăn thể tích  $1,5\text{m}^3$ .

+ Đối với nước thải từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị: Bố trí từ 2 đến 3 thùng phuy chứa nước dung tích 200 lít phục vụ vệ sinh máy móc, thiết bị, sau đó nước này được tận dụng cho công tác phối trộn vữa, bê tông,... hoặc dập bụi, không thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước tạm thời phải đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài dự án.

+ Trong khu vực dự án thiết kế là rãnh đất từ B400 đến B600 tổng chiều dài khoảng 650m, trên mương rãnh có bố trí các hố ga lắng cặn thể tích từ  $1\text{m}^3$  -  $1,5\text{m}^3$  khoảng cách trung bình từ 20 đến 30m, hướng thoát nước phù hợp theo thiết kế san nền từ Tây sang Đông, từ Bắc xuống Nam và từ Nam lên Bắc.

+ Thường xuyên kiểm tra mương thoát nước, cống thu gom, nạo vét bùn tại các hố ga với tần suất 02 lần/tuần và trước các trận mưa lớn để phòng ngừa tắc nghẽn đường cống thoát nước, tránh nguy cơ gây úng ngập.

#### 4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên liệu (đất, cát, xi măng, đá...) được phủ kín thùng xe để ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường.

- Thực hiện phun nước tưới ẩm để dập bụi với tần suất tùy thuộc vào giai đoạn thi công xây dựng như sau:

+ Trong quá trình san nền, thi công đào đắp, thi công các hạng mục: Phun nước tưới ẩm tại khu vực đào đắp với tần suất trung bình 04 lần/ngày khi thực hiện công tác lu lèn, đầm nén và tăng tần suất lên 05 - 06 lần/ngày vào những ngày hanh khô để giảm bụi phát tán.

+ Quá trình vận chuyển: tưới ẩm dọc theo các tuyến đường vận chuyển đất, đá thải và vật liệu xây dựng 02 lần/ngày, tăng tần suất lên 03 - 04 lần/ngày trong những ngày khô hanh, nắng nóng, chiều dài tuyến đường phun nước trong phạm vi 1km từ vị trí dự án.

- Dựng hàng rào bằng tôn cao từ 02m đến 03m hạn chế bụi phát tán từ quá trình san lấp, đặc biệt là khu vực phía Tây, phía Đông Nam và phía Nam khu vực dự án giáp với khu dân cư thôn Đông.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (găng tay, nón bảo hộ, kính bảo vệ mắt, khẩu trang...) cho công nhân làm việc tại công trường và tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập đề án tổ chức thi công.

- Trong quá trình hàn cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m). Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp hàn.

- Đối với bụi phát sinh từ hoạt động thổi bụi mặt đường trước khi trải nhựa: Khi thi công thổi bụi chọn thời điểm thích hợp ít người qua lại; ít ảnh hưởng đến nhà dân. Thổi bụi xuôi theo hướng gió và đúng kỹ thuật để giảm tối đa khả năng phát tán bụi ra xa; không thổi bụi về phía trường học. Thiết lập hàng rào tôn bao quanh khu vực dự án.

- Đối với khí thải từ quá trình thảm bê tông nhựa nóng: Sử dụng công nghệ trải thảm bê tông nhựa nóng được cơ quan chuyên ngành thẩm định và phê duyệt. Trước khi rải lớp bê tông nhựa cần làm sạch, bằng phẳng và làm khô mặt lớp móng, tưới nhựa thấm bám trên lớp mặt móng trước khi tiến hành rải lớp bê tông nhựa nóng. Trang bị khẩu trang phòng độc, kính phòng hộ bảo vệ mắt, găng tay, mũ, quần áo bảo hộ cho công nhân.

- Đối với bụi từ quá trình vệ sinh công trình sau thi công: Thực hiện phun nước tưới ẩm trước khi quét dọn vào thời tiết khô hanh. Thi công đến đâu dọn sạch đến đó.

#### 4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng chứa rác dung tích 100 lít/thùng tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom, lưu giữ chất thải. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định hàng ngày.

- Chất thải rắn thi công, xây dựng:

+ Chất thải từ quá trình phát quang thực vật: Trước khi tiến hành giải phóng mặt bằng, chủ dự án phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho người dân thu hoạch toàn bộ nông sản. Những phần sinh khối người dân không sử dụng như gốc, rễ, thân cây,... được thu gom, sau đó thuê đơn vị có đủ chức năng đến vận chuyển đi xử lý.

+ Chất thải rắn thông thường phát sinh từ phá dỡ công trình hiện trạng (tháo dỡ, dịch chuyển đường điện hiện trạng, di dời mồ mã):

++ Phần thân cột điện thu hồi về kho điện lực để tận dụng lại cho các dự án khác.

++ Đường dây được tháo dỡ thu hồi đưa về kho điện lực ưu tiên tận dụng cho các dự án khác.

++ Phần móng cột được phá dỡ thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển đi đổ thải theo quy định.

+ Đất đào, bóc hữu cơ: Được tận dụng để san lấp mặt bằng, trồng cây xanh thuộc phạm vi dự án.

+ Chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng được phân loại và xử lý:

++ Đối với các loại chất thải như mẫu sắt thép thừa, bao bì xi măng,...: bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

++ Đối với các chất thải là các chất trơ, không gây độc như gạch vỡ, đất cát dư thừa,...: Được thu gom và tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng.

++ Đối với các chất thải không thể tận dụng: Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển mang đi xử lý theo quy định.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 03 thùng phuy chứa loại dung tích 200 lít có nắp đậy đặt tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) để thu gom lượng CTNH phát sinh. Mỗi loại CTNH được thu gom, lưu trữ, phân loại và dán nhãn CTNH theo đúng quy định. Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời CTNH, có biển báo theo đúng quy định (container dung tích 06 m<sup>3</sup>) để lưu giữ chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định với tần suất khoảng 06 tháng/lần.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng máy móc thiết bị cũ lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động để chống ồn, đảm bảo sức khỏe cho công nhân.

- Không sử dụng máy đầm rung, lu rung gây rung động lớn, ảnh hưởng đến kết cấu công trình hiện trạng.

- Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng, từ đó đặt ra lịch thi công cho phù hợp để đạt mức ồn tiêu chuẩn cho phép theo các quy chuẩn hiện hành.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Kết hợp với chính quyền địa phương quản lý công nhân lưu trú trên địa bàn.

- Thuê đơn vị có chức năng rà phá bom mìn trước khi tiến hành san lấp và xây dựng.

- Bố trí 02 người chỉ dẫn đường để phân luồng giao thông, hạn chế tối đa sự tập trung quá đông các phương tiện giao thông cùng lúc, đặc biệt khu vực công ra vào công trường vào các khung giờ cao điểm. Lập rào chắn tại khu vực công trường thi công, có bố trí các biển báo, cảnh báo nguy hiểm,... Thắp đèn chiếu sáng và lắp đèn tín hiệu cảnh báo tại đoạn đường có công trường thi công khi trời tối.

- Đề ra các nội quy lao động, hướng dẫn cụ thể vận hành, an toàn cho máy móc, thiết bị. Đồng thời kiểm tra chặt chẽ và có biện pháp xử lý đối với các cá nhân vi phạm. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, các thiết bị ứng phó kịp thời với sự cố xảy ra.

- Thành lập đội phòng cháy chữa cháy được lựa chọn từ các công nhân tham gia thi công, lực lượng này được tổ chức học tập huấn luyện nghiệp vụ cơ



bản vẽ công tác phòng cháy chữa cháy. Bố trí bể chứa nước, đồng thời bố trí các thùng phuy 100 lít đựng cát khô.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

#### **4.2. Giai đoạn vận hành**

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của dự án sau khi được xử lý bằng bể tự hoại của từng hạng mục công trình cùng với nước thải nhà bếp nhà bếp, giặt giũ,... được thu gom vào hệ thống rãnh B400 đặt sau nhà sau đó thoát ra 02 điểm chờ đầu nối vào hệ thống cống thu gom nước thải D300 (do giai đoạn 2 và giai đoạn 3 xây dựng) dẫn về trạm xử lý tập trung công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (dự kiến đầu tư trong giai đoạn 6) đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A trước khi thải ra ngoài môi trường.

Vị trí trạm xử lý nước thải tập trung công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật (KT-R) ở phía Đông khu vực quy hoạch Khu dân cư Mải Hạ, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang (tỷ lệ 1/500) được UBND huyện Lạng Giang phê duyệt tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 và phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ/500) tại Quyết định số 3152/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 (theo bản vẽ QH-09 bản đồ quy hoạch thoát nước thải cập nhật theo quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh).

Trạm xử lý nước thải công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được UBND huyện Lạng Giang cam kết thực hiện đầu tư: Hoàn thành xây dựng hệ thống cống, rãnh thu gom nước thải và ưu tiên xây dựng phần bể của trạm xử lý nước thải tập trung đến quý III/2025; lắp đặt máy móc, thiết bị trạm xử lý nước thải đưa vào vận hành trong quý IV/2025 (theo Công văn số 110/UBND-QLDA ngày 31/05/2022 của UBND huyện Lạng Giang về việc cam kết xây dựng hạng mục: Trạm xử lý nước thải phục vụ dự án Xây dựng khu dân cư Mải Hạ, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang).

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa của khu vực dự án xây dựng là hệ thống thoát nước riêng với hệ thống thoát nước thải.

+ Hướng thoát nước chính của dự án:

++ Tuyến cống D1000: Thoát nước từ phía Bắc xuống phía Nam, từ Tây sang Đông và thoát vào mương hiện trạng tại cửa xả CX2 nằm ở phía Nam của dự án.

++ Các tuyến cống còn lại: Thoát nước từ phía Nam lên Bắc và từ Tây sang Đông đầu vào ga chờ đầu nối với giai đoạn 2 và giai đoạn 3, sau đó thoát vào mương hiện trạng nằm ở phía Đông của dự án.

- Mạng lưới thoát nước: Bố trí hệ thống cống tròn bê tông cốt thép D600, D800, D1000 đặt dọc một bên đường để thu nước cho các tuyến nội bộ trong dự án; bố trí tuyến cống D1000 hoàn trả thoát nước cho tuyến mương hiện trạng ở phía Tây dự án để thu gom thoát nước mưa cho dân cư hiện trạng và kết hợp thoát nước cho dự án; bố trí cống bê tông cốt thép D400 để thu nước ngang

đường; bố trí các hố ga thu, thu thăm kết hợp để thu nước với khoảng cách giữa các hố ga từ 30m đến 35m.

#### 4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bố trí một cách hợp lý hệ thống cây xanh dọc theo tuyến giao thông. Đảm bảo tổng diện tích cây xanh cho toàn khu dự án.

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh mặt đường nhằm hạn chế thấp nhất lượng bụi đất, lá cây trên mặt đường.

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh, không để chất thải rắn tồn đọng qua ngày hôm sau và các thùng chứa chất thải rắn đều có nắp đậy.

- Định kỳ 06 tháng/lần nạo vét hố ga tiêu thoát nước thải của dự án.

#### 4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

##### 4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Các hộ gia đình tự bố trí thùng rác ngay nơi phát sinh (nhà ăn, nhà bếp, nhà vệ sinh) để thu gom rác thải.

- Bố trí khoảng 15 thùng rác ven tuyến đường giao thông nội bộ, cứ khoảng 100m bố trí 1 thùng để tiện cho việc bỏ rác của người dân. Hàng ngày rác thải được thu gom về gas rác diện tích 100m<sup>2</sup> đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật 6 (KT-R, cùng đất quy hoạch trạm xử lý nước thải cục bộ).

- Đối với bùn từ bể phốt của các hộ gia đình: Các hộ gia đình tự thuê các xe chuyên dụng của đơn vị có chức năng đến hút định kỳ, khuyến khích 1 lần/năm.

##### 4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Đối với chất thải nguy hại từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng trạm biến áp: Đơn vị được bàn giao quản lý vận hành trạm biến áp thu gom và thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý theo quy định. Lượng dầu này không lưu giữ tại dự án.

- Đối với chất thải nguy hại phát sinh tại các hộ gia đình: Các hộ gia đình có trách nhiệm tự thực hiện thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

#### 4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Trồng cây xanh xung quanh dự án có tác dụng hấp thu tiếng ồn, chặn sự di chuyển của chất ô nhiễm từ đường giao thông bên cạnh tới dự án, đồng thời tạo cảnh quan đẹp, điều tiết vi khí hậu khu vực.

#### 4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Mạng lưới cấp nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy của khu vực thực hiện dự án được tổ chức theo mạng lưới vòng, chung với hệ thống cấp nước, đảm bảo cấp nước cho phòng cháy chữa cháy được tốt nhất. Trên các trục đường có ống cấp nước chính DN110 sẽ đặt các trụ cứu hỏa với khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa từ 120m đến 150m. Các trụ này đặt ở ngã 3, ngã 4 để thuận tiện cho xe cứu hỏa lấy nước chữa cháy. Đối với các công trình công cộng sẽ bố trí hệ thống chữa cháy riêng cho từng công trình.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.
- Dự phòng máy bơm nước cưỡng bức trong trường hợp ngập úng.
- Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải. Thường xuyên kiểm tra đường cống thoát nước, tránh tắc, ứ đọng (kiểm tra hàng ngày và khi trời mưa).
- Thực hiện phân chia làn đường, kẻ vạch đường chỉ dẫn, lắp biển báo giao thông, bật đèn đường chiếu sáng vào ban đêm.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư**

### **5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

\* Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thi công xây dựng; 01 vị trí tại khu vực cuối hướng gió, cách điểm thi công khoảng 20m.
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

### **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường**

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải, nước thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án;

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 526/TTr-TNMT ngày 23/8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.